Người ký: Ủy ban Nhân dân thành phố Thanh Hóa
Cơ quan: Tỉnh Thanh Hóa
Thời gian ký: 29.03.2020 10:24:11 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1524 /UBND -TP V/v hướng dẫn xử phạt VPHC trong phòng, chống dịch COVID-19	*TP. Thanh Hóa, ngày 29 tháng 3 năm 2020*

KHẨN

Kính gửi: Chủ tịch UBND các phường, xã.

Để xử lý kiên quyết, dứt điểm các vụ việc vi phạm trong phòng, chống dịch Covid- 19, Chủ tịch UBND thành phố hướng dẫn một số nội dung xử lý vi phạm hành chính đối với một số hành vi trong phòng, chống dịch bệnh COVID - 19 theo quy định của Nghị định số 176/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế (viết tắt là Nghị định số 176/2013/NĐ-CP) như sau:

1. Hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với các hành vi vi phạm hành chính

1.1 . Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng; áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc cải chính thông tin sai sự thật trên phương tiện thông tin đại chúng trên địa bàn liên tục trong 03 ngày đối với một trong các hành vi:

Cung cấp hoặc đưa tin sai về số liệu, tình hình dịch bệnh truyền nhiễm so với số liệu, tình hình dịch bệnh truyền nhiễm mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền về y tế đã công bố

Căn cứ pháp lý: điểm a, khoản 2, điểm a khoản 5 Điều 5 Nghị định số 176/2013/NĐ-CP

1.2. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi:

Không khai báo khi phát hiện người mắc bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A.

Căn cứ pháp lý: khoản 1, Điều 6 Nghị định số 176/2013/NĐ-CP

1.3. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi:

Che giấu hiện trạng bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A của bản thân hoặc của người khác mắc bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A; Không thực hiện việc xét nghiệm phát hiện bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Căn cứ pháp lý: điểm a, điểm b, khoản 2, Điều 6 Nghị định số 176/2013/NĐ-CP

1.4. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng; áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc thực hiện việc cách ly y tế, cưỡng chế cách ly y tế đối với một trong các hành vi sau đây:

- Không tổ chức thực hiện việc cách ly y tế, cưỡng chế cách ly y tế đối với trường hợp phải thực hiện việc cách ly y tế theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 10 Nghị định số 176/2013/NĐ-CP;

- Từ chối hoặc trốn tránh việc áp dụng biện pháp cách ly y tế, cưỡng chế cách ly y tế của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, trừ trường hợp quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 10 Nghị định số 176/2013/NĐ-CP;

Căn cứ pháp lý: điểm a, điểm b, khoản 1, khoản 3 Điều 10 Nghị định số 176/2013/NĐ-CP

1.5. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- Không lập danh sách và theo dõi sức khỏe của những người tiếp xúc với người bị áp dụng biện pháp cách ly y tế, cưỡng chế cách ly y tế theo quy định của pháp luật;

- Thực hiện việc cách ly y tế, cưỡng chế cách ly y tế tại địa điểm không đủ điều kiện thực hiện cách ly y tế, cưỡng chế cách ly y tế theo quy định của pháp luật.

Căn cứ pháp lý: điểm c, điểm d khoản 1, Điều 10 Nghị định số 176/2013/NĐ-CP

1.6. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng; áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc thực hiện việc cách ly y tế, cưỡng chế cách ly y tế đối với một trong các hành vi sau đây:

- Không tổ chức thực hiện việc cách ly y tế đối với người mắc bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A;

- Từ chối hoặc trốn tránh việc áp dụng quyết định cách ly y tế, cưỡng chế cách ly y tế của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với người mắc bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A, đối tượng kiểm dịch y tế biên giới mắc bệnh hoặc mang tác nhân gây bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A.

Căn cứ pháp lý: điểm a, điểm b, khoản 2, khoản 3, Điều 10 Nghị định số 176/2013/NĐ-CP

1.7. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- Không thực hiện biện pháp bảo vệ cá nhân đối với người tham gia chống dịch và người có nguy cơ mắc bệnh dịch theo hướng dẫn của cơ quan y tế;

- Không thông báo Ủy ban nhân dân và cơ quan y tế dự phòng trên địa bàn về các trường hợp mắc bệnh dịch theo quy định của pháp luật.

Căn cứ pháp lý: điểm a, điểm b, khoản 1 Điều 11 Nghị định số 176/2013/NĐ-CP

1.8. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi sau đây:

Che dấu tình trạng bệnh của mình hoặc của người khác khi mắc bệnh truyền nhiễm đã được công bố là có dịch;

Căn cứ pháp lý: điểm a, khoản 2 Điều 11 Nghị định số 176/2013/NĐ-CP

1.9. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc thực hiện các biện pháp vệ sinh, diệt trùng, tẩy uế trong vùng có dịch đối với hành vi sau đây:

Không thực hiện hoặc từ chối thực hiện các biện pháp vệ sinh, diệt trùng, tẩy uế trong vùng có dịch.

Căn cứ pháp lý: điểm b khoản 2, điểm a khoản 7 Điều 11 Nghị định số 176/2013/NĐ-CP

1.10. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- Không tham gia chống dịch theo quyết định huy động của Ban Chỉ đạo chống dịch;

- Không thực hiện quyết định buộc tiêu hủy động vật, thực vật và vật khác là trung gian truyền bệnh, trừ trường hợp quy định tại Điểm c Khoản 5 Điều 11 Nghị định số 176/2013/NĐ-CP

Căn cứ pháp lý: điểm a, điểm c khoản 3 Điều 11 Nghị định số 176/2013/NĐ-CP

*1.11.Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- Không thực hiện quyết định áp dụng biện pháp tạm đình chỉ hoạt động của cơ sở dịch vụ ăn uống công cộng có nguy cơ làm lây truyền bệnh dịch tại vùng có dịch;

- Không thực hiện quyết định áp dụng biện pháp cấm kinh doanh, sử dụng loại thực phẩm là trung gian truyền bệnh;

- Không thực hiện quyết định áp dụng biện pháp hạn chế tập trung đông người hoặc tạm đình chỉ hoạt động kinh doanh, dịch vụ tại nơi công cộng.

Căn cứ pháp lý: điểm a, điểm b, điểm c khoản 4 Điều 11 Nghị định số 176/2013/NĐ-CP

1.12. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- Không thực hiện quyết định kiểm tra, giám sát, xử lý y tế trước khi ra vào vùng có dịch thuộc nhóm A;

- Đưa ra khỏi vùng có dịch thuộc nhóm A những vật phẩm, động vật, thực vật, thực phẩm và hàng hóa khác có khả năng lây truyền bệnh dịch;

Căn cứ pháp lý: điểm a, điểm b khoản 5 Điều 11 Nghị định số 176/2013/NĐ-CP

1.13. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc tiêu hủy động vật, thực phẩm, thực vật và các vật khác đối với hành vi sau đây:

Không thực hiện quyết định buộc tiêu hủy động vật, thực phẩm, thực vật và các vật khác là trung gian truyền bệnh thuộc nhóm A.

Căn cứ pháp lý: điểm c khoản 5, điểm c khoản 7 Điều 11 Nghị định số 176/2013/NĐ-CP

1.14. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- Không thực hiện yêu cầu kiểm tra và xử lý y tế đối với phương tiện vận tải trước khi ra khỏi vùng có dịch trong tình trạng khẩn cấp về dịch;

- Không thực hiện quyết định cấm tập trung đông người tại vùng đã được ban bố tình trạng khẩn cấp về dịch;

- Đưa người, phương tiện không có nhiệm vụ vào ổ dịch tại vùng đã được ban bố tình trạng khẩn cấp về dịch;

Căn cứ pháp lý: điểm a, điểm b, điểm c khoản 6 Điều 11 Nghị định số 176/2013/NĐ-CP

*1.15.Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng, bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả: buộc tiêu hủy động vật, thực phẩm, thực vật và các vật khác đối với hành vi sau đây:

Không thực hiện quyết định buộc tiêu hủy động vật, thực phẩm, thực vật và các vật khác có nguy cơ làm lây lan bệnh dịch sang người tại vùng đã được ban bố tình trạng khẩn cấp về dịch.

Căn cứ pháp lý: điểm d khoản 6, điểm c khoản 7 Điều 11 Nghị định số 176/2013/NĐ-CP

Mức phạt tiền trên áp dụng đối với cá nhân. Đối với cùng một hành vi vi phạm hành chính thì mức phạt tiền đối với tổ chức bằng 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân.

2. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân, phường, xã có quyền: Phạt cảnh cáo; Phạt tiền đến 3.000.000 đồng đối với vi phạm hành chính về dân số; đến 5.000.000 đồng đối với vi phạm hành chính về y tế dự phòng, phòng, chống HIV/AIDS, bảo hiểm y tế, khám bệnh, chữa bệnh, dược, mỹ phẩm và trang thiết bị y tế;

Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các Điểm a, c và đ Khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính.

2.2.Thanh tra viên, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành đang thi hành công vụ có quyền: Phạt cảnh cáo; Phạt tiền đến 300.000 đồng đối với vi phạm hành chính về dân số; đến 500.000 đồng đối với vi phạm hành chính về y tế dự phòng và phòng, chống HIV/AIDS, bảo hiểm y tế, khám bệnh, chữa bệnh, dược, mỹ phẩm và trang thiết bị y tế;

Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các Điểm a, c và đ Khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính.

Nếu hình thức, mức xử phạt, trị giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu, biện pháp khắc phục hậu quả được quy định đối với một trong các hành vi vượt quá thẩm quyền của người xử phạt vi phạm hành chính thì người đó phải chuyển vụ vi phạm đến cấp có thẩm quyền xử phạt.

3. Thủ tục xử phạt vi phạm hành chính

3.1. Lập biên bản vi phạm hành chính

- Xử phạt vi phạm hành chính không lập biên bản được áp dụng trong trường hợp xử phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đến 250.000 đồng đối với cá nhân, 500.000 đồng đối với tổ chức và người có thẩm quyền xử phạt phải ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính tại chỗ.

- Xử phạt vi phạm hành chính lập biên bản vi phạm hành chính: áp dụng đối với hành vi vi phạm hành chính của cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính không thuộc trường hợp áp dụng thủ tục xử phạt vi phạm hành chính không lập biên bản (có mẫu kèm theo)

Người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế bao gồm: Người có thẩm quyền xử phạt; Công chức, viên chức thuộc ngành y tế,

bảo hiểm xã hội đang thi hành công vụ, nhiệm vụ được giao khi phát hiện hành vi vi phạm hành chính có trách nhiệm lập biên bản và kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

Trường hợp người vi phạm, đại diện tổ chức vi phạm không có mặt tại nơi vi phạm hoặc cố tình trốn tránh hoặc vì lý do khách quan mà không ký vào biên bản thì biên bản phải có chữ ký của đại diện chính quyền cơ sở nơi xảy ra vi phạm hoặc của hai người chứng kiến.

Biên bản vi phạm hành chính phải được lập thành ít nhất 02 bản, phải được người lập biên bản và người vi phạm hoặc đại diện tổ chức vi phạm ký; trường hợp người vi phạm không ký được thì điểm chỉ; nếu có người chứng kiến, người bị thiệt hại hoặc đại diện tổ chức bị thiệt hại thì họ cùng phải ký vào biên bản; trường hợp biên bản gồm nhiều tờ, thì những người được quy định tại khoản này phải ký vào từng tờ biên bản. Nếu người vi phạm, đại diện tổ chức vi phạm, người chứng kiến, người bị thiệt hại hoặc đại diện tổ chức bị thiệt hại từ chối ký thì người lập biên bản phải ghi rõ lý do vào biên bản.

Biên bản vi phạm hành chính lập xong phải giao cho cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính 01 bản; trường hợp vi phạm hành chính không thuộc thẩm quyền hoặc vượt quá thẩm quyền xử phạt của người lập biên bản thì biên bản phải được chuyển ngay đến người có thẩm quyền xử phạt để tiến hành xử phạt.

Trường hợp người chưa thành niên vi phạm hành chính thì biên bản còn được gửi cho cha mẹ hoặc người giám hộ của người đó.

3.2 Quyết định xử phạt vi phạm hành chính

- Thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính. Đối với vụ việc có nhiều tình tiết phức tạp mà không thuộc trường hợp giải trình hoặc đối với vụ việc thuộc trường hợp giải trình theo quy định theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 61 Luật xử lý vi phạm hành chính thì thời hạn ra quyết định xử phạt tối đa là 30 ngày, kể từ ngày lập biên bản...

Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính nếu có lỗi trong việc để quá thời hạn mà không ra quyết định xử phạt thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

- Nội dung quyết định xử phạt vi phạm hành chính (có mẫu kèm theo)

- Thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính

+ Thời hạn gửi quyết định xử phạt để thi hành: 02 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định.

+ Cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính phải chấp hành quyết định xử phạt trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận quyết định xử phạt vi phạm hành chính; trường hợp quyết định xử phạt vi phạm hành chính có ghi thời hạn thi hành nhiều hơn 10 ngày thì thực hiện theo thời hạn đó.

3.4 Hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính

Việc xử phạt vi phạm hành chính có lập biên bản phải lập thành hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính. Hồ sơ bao gồm biên bản vi phạm hành chính, quyết định xử phạt hành chính, các tài liệu, giấy tờ có liên quan và phải được đánh bút lục. Hồ sơ phải được lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

Kèm theo hướng dẫn này là mẫu quyết định xử phạt và biên bản vi phạm hành chính./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Sở Tư pháp (để biết);
- Thường trực Thành ủy (để biết);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch;
- Ban Tuyên giáo, Dân vân, UBMTTQ TP;
- Các phòng thuộc UBND TP;
- Công an, Đội KTQTDT, TTYT TP;
- Đoàn KT, GS phòng chống dịch Covid – 19;
- Lưu.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Thị Việt Nga

ỦY BAN NHÂN DÂN **PHƯỜNG, XÃ...**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ...../QĐ-XPVPHC	*....., ngày .... tháng .... năm.....*

QUYẾT ĐỊNH
Xử phạt vi phạm hành chính theo thủ tục xử phạt không lập biên bản

Căn cứ Điều 56 Luật xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 176/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế;

Căn cứ Quyết định về việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính số ..../QĐ-GQXP ngày ..../..../ (nếu có),

Tôi: .....

Chức vụ: .....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xử phạt vi phạm hành chính theo thủ tục xử phạt không lập biên bản đối với ..... có tên sau đây:

1. Ông (bà)/ Tổ chức..... .....

Nơi ở hiện tại/địa chỉ trụ sở: .....

Nghề nghiệp/lĩnh vực hoạt động hoặc mã số doanh nghiệp.....

Số CCCD/CMND/Hộ chiếu/Số GCN đăng ký đầu tư/doanh nghiệp hoặc GP thành lập/đăng ký hoạt động:..... Ngày cấp: ...../...../ .....; nơi cấp:.....

2. Đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính:.....

.....

.....

3. Quy định tại: .....

Nghị định số 176/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế.

4. Địa điểm xảy ra vi phạm: .....

5. Các tình tiết liên quan đến việc giải quyết vi phạm (nếu có): .....

Điều 2. Các hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả được áp dụng:

1. Hình thức xử phạt chính:.....

Mức phạt: .....

(Bằng chữ: .....)

2. Hình thức xử phạt bổ sung (nếu có): .....

3. Biện pháp khắc phục hậu quả (nếu có): .....

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Quyết định này được:

1. Giao cho ông (bà) .....là cá nhân vi phạm/đại diện cho tổ chức vi phạm có tên tại Điều 1 Quyết định này để chấp hành.

a) Trong trường hợp bị xử phạt tiền, ông (bà)/tổ chức có tên tại Điều 1 nộp tiền phạt tại chỗ cho người đã ra quyết định xử phạt.

Trường hợp không nộp tiền phạt tại chỗ, thì ông (bà)/tổ chức có tên tại Điều 1 phải nộp tiền phạt tại Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định này.

b) Thời hạn thực hiện hình thức xử phạt bổ sung là .... ngày; thời hạn thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả là .... ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định này.

Nếu quá thời hạn trên mà ông (bà)/tổ chức ..... không tự nguyện chấp hành thì sẽ bị cưỡng chế thi hành.

c) Ông (bà)/Tổ chức có tên tại Điều 1 bị tạm giữ..... để bảo đảm thi hành quyết định xử phạt.

d) Ông (bà)/Tổ chức .....có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

2. Gửi cho Kho bạc Nhà nước để thu tiền phạt.

3. Gửi cho .....để tổ chức thực hiện.

4. Gửi cho .....để biết./.

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH

(Ký tên, ghi rõ chức vụ, họ và tên)

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Lưu: Hồ sơ.

ỦY BAN NHÂN DÂN **PHƯỜNG, XÃ...**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ...../QĐ-XPVPHC	....., *ngày .... tháng .... năm.....*

QUYẾT ĐỊNH
Xử phạt vi phạm hành chính

Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 176/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế;

Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số ..../BB-VPHC lập ngày .../..../...;

Căn cứ Biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính số ..../BB-XM lập ngày ...../...../.....(nếu có);

Căn cứ Quyết định về việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính số ..../QĐ-GQXP ngày ...../...../.....(nếu có),

Tôi: .....

Chức vụ [4]: .....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xử phạt vi phạm hành chính đối với (*ông (bà)/tổ chức)* có tên sau đây:

1 Ông/bà: .....

Nghề nghiệp: .....

Nơi ở hiện tại: .....

Số CCCD/CMND/Hộ chiếu:... .....; ngày cấp:..../..../.....;

nơi cấp: .....

1. Tên tổ chức vi phạm: .....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Mã số doanh nghiệp: .....

Số GCN đăng ký đầu tư/doanh nghiệp hoặc GP thành lập/đăng ký hoạt động: .....

Ngày cấp: ...../...../ .....; nơi cấp:.....

Người đại diện theo pháp luật: .....

Chức danh:.....

2. Đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính:.....

.....

.....

3. Quy định tại: .....

Nghị định số 176/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế

4. Các tình tiết tăng nặng (nếu có):.....

5. Các tình tiết giảm nhẹ (nếu có):.....

6. Bị áp dụng hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả như sau:

a) Hình thức xử phạt chính:.....

Cụ thể.....

.....

b) Hình thức xử phạt bổ sung (nếu có): .....

c) Các biện pháp khắc phục hậu quả (nếu có):.....

.....

Thời hạn thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả .....ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định này.

Mọi chi phí tổ chức thi hành biện pháp khắc phục hậu quả do cá nhân/tổ chức vi phạm có tên tại Điều này chi trả.

Ông (bà)/Tổ chức có tên tại Điều này phải hoàn trả số kinh phí là: ..... (Bằng chữ: .....) cho .....là cơ quan đã thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại khoản 5 Điều 85 Luật xử lý vi phạm hành chính.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ...../...../.....

Điều 3. Quyết định này được:

1. Giao cho ông (bà).....là cá nhân vi phạm/đại diện cho tổ chức vi phạm có tên tại Điều 1 Quyết định này để chấp hành.

Ông (bà)/Tổ chức có tên tại Điều 1 phải nghiêm chỉnh chấp hành quyết định xử phạt này. Nếu quá thời hạn mà ông (bà)/tổ chức ..... không tự nguyện chấp hành thì sẽ bị cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật.

Trường hợp không nộp tiền phạt trực tiếp cho người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 2 Điều 78 Luật xử lý vi phạm hành chính, ông (bà)/tổ chức ..... phải nộp tiền phạt tại Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định xử phạt.

Ông (bà)/Tổ chức ..... có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

2. Gửi cho Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa để thu tiền phạt.

3. Gửi cho ..... để tổ chức thực hiện./.

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ, họ và tên)

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: Hồ sơ.

ỦY BAN NHÂN DÂN **PHƯỜNG, XÃ...**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../BB-VPHC

BIÊN BẢN VI PHẠM HÀNH CHÍNH
Về lĩnh vực y tế

Hôm nay, hồi.... giờ .... phút, ngày...../...../..... , tại.....
Căn cứ .....
Chúng tôi gồm:
1. Họ và tên: ..... Chức vụ: *(người có thẩm quyền xử phạt hoặc cán bộ y tế được giao nhiệm vụ).*
Cơ quan: .....
2. Họ và tên: .....Chức vụ: .....
Cơ quan: .....
3. Với sự chứng kiến của:
a) Họ và tên: .....Nghề nghiệp: .....
Nơi ở hiện nay: .....
b) Họ và tên: .....Nghề nghiệp: .....
Nơi ở hiện nay: .....

Tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính đối với (*ông (bà)/tổ chức*) có tên sau đây:

1. Họ và tên: .....
Ngày, tháng, năm sinh:...../...../..... Quốc tịch: .....
Nghề nghiệp: .....
Nơi ở hiện tại: .....
Số CCCD/CMND/Hộ chiếu:..... ..; ngày cấp:...../...../..... ;
nơi cấp:.....
1. Tên tổ chức vi phạm: .....
Địa chỉ trụ sở chính: .....
Mã số doanh nghiệp: .....
Số GCN đăng ký đầu tư/doanh nghiệp hoặc GP thành lập/đăng ký hoạt động: .....
.....Ngày cấp: ...../...../.....; nơi cấp:...
Người đại diện theo pháp luật[6]: .....
Chức danh:.....
2. Đã có các hành vi vi phạm hành chính:.....
.....
3. Quy định tại .....
Nghị định số 176/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế
4. Cá nhân/tổ chức bị thiệt hại:.....

5. Ý kiến trình bày của cá nhân vi phạm/đại diện tổ chức vi phạm:

.....

6. Ý kiến trình bày của người chứng kiến (nếu có):

.....

. 7. Ý kiến trình bày của cá nhân/tổ chức bị thiệt hại (nếu có):

.....

8. Chúng tôi đã yêu cầu cá nhân/tổ chức vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm.

9. Các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính được áp dụng, gồm:.....

10. Tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ, gồm:

STT	Tên tang vật, phương tiện vi phạm hành chính	Đơn vị tính	Số lượng	Chủng loại	Tình trạng	Ghi chú

11. Giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ, gồm:

STT	Tên giấy phép, chứng chỉ hành nghề	Số lượng	Tình trạng	Ghi chú

Ngoài những tang vật, phương tiện vi phạm hành chính và các giấy tờ nêu trên, chúng tôi không tạm giữ thêm thứ gì khác.

12. Trong thời hạn .... ngày làm việc, kể từ ngày lập biên bản này, ông(bà)[13]..... ..... là cá nhân vi phạm/đại diện tổ chức vi phạm có quyền gửi *(văn bản yêu cầu được giải trình trực tiếp/văn bản giải trình)* đến ông (bà)..... ..... để thực hiện quyền giải trình.

Biên bản lập xong hồi .... giờ .... phút, ngày...../...../..... , gồm .... tờ, được lập thành .... bản có nội dung và giá trị như nhau; đã đọc lại cho những người có tên nêu trên cùng nghe, công nhận là đúng và cùng ký tên dưới đây; giao cho ông (bà)..... là cá nhân vi phạm/đại diện tổ chức vi phạm 01 bản, 01 bản lưu hồ sơ.

Trường hợp cá nhân vi phạm/đại diện tổ chức vi phạm không ký biên bản

Lý do ông (bà).....cá nhân vi phạm/đại diện tổ chức vi phạm không ký biên bản:.....

.....

CÁ NHÂN VI PHẠM HOẶC ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC VI PHẠM *(Ký tên, ghi rõ chức vụ, họ và tên)*	**NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN** *(Ký tên, ghi rõ họ và tên)*
ĐẠI DIỆN CHÍNH QUYỀN *(Ký tên, ghi rõ chức vụ, họ và tên)*	**NGƯỜI CHỨNG KIẾN** *(Ký tên, ghi rõ họ và tên)*